

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 5 năm 2019

ĐIỂM THI

PHẦN III.1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, NN&PL XHCN
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 12, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Nguyễn Tuấn Anh	1	12	7.0	Bảy	
2	Dương Thị Bắc	2	55	8.0	Tám	
3	Phạm Văn Biên	3	22	7.0	Bảy	
4	Đỗ Thị Bình	4	52	7.5	Bảy rưỡi	
5	Lê Thị Hòa Bình	5	14	7.5	Bảy rưỡi	
6	Lâm Ngọc Châm	6	09	8.0	Tám	
7	Nông Thị Chinh	7	03	7.0	Bảy	
8	Ma Đình Chung	8	17	8.0	Tám	
9	Nguyễn Thị Kim Chung	9	28	7.5	Bảy rưỡi	
10	Phan Văn Công	10	77	7.0	Bảy	
11	Đào Thị Cương	11	18	7.0	Bảy	
12	Nguyễn Mạnh Cường (A) 1985	12	88	7.0	Bảy	
13	Nguyễn Mạnh Cường (B) 1991	13	33	7.0	Bảy	
14	Trịnh Văn Định	14	57	7.0	Bảy	
15	Trần Văn Doanh	15	71	7.0	Bảy	
16	Đinh Hữu Dũng	16	16	7.0	Bảy	
17	Hầu Văn Dương	17	44	7.0	Bảy	
18	Đinh Thị Đức	18	32	7.0	Bảy	
19	Bùi Lưu Giang	19	54	8.0	Tám	
20	Nguyễn Trường Giang	20	65	7.0	Bảy	
21	Đặng Hoàng Giáp	21	83	7.0	Bảy	
22	Nguyễn Hải Hà	22	40	8.0	Tám	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
23	Vũ Xuân Hà	23	46	7.0	Bảy	
24	Đào Thị Hằng	24	37	8.0	Tám	
25	Nguyễn Thị Kim Hằng	25	42	7.0	Bảy	
26	Chu Hồng Hạnh	26	47	7.5	Bảy rưỡi	
27	Nguyễn Như Hào	27	74	7.0	Bảy	
28	Lâm Thị Hào	28	10	7.5	Bảy rưỡi	
29	Đoàn Xuân Hiến	29	59	7.0	Bảy	
30	Hà Duy Hiệp	30	67	8.0	Tám	
31	Phạm Thị Hiếu	31	66	7.5	Bảy rưỡi	
32	Nguyễn Quang Hợp	32	43	7.0	Bảy	
33	Hoàng Văn Huân	33	78	7.5	Bảy rưỡi	
34	Bùi Thị Kim Huế	34	02	8.0	Tám	
35	Dương Thị Huệ	35	25	8.0	Tám	
36	Lê Thị Huệ	36	50	7.0	Bảy	
37	Mai Thị Huệ	37	48	7.5	Bảy rưỡi	
38	Vũ Thị Huệ	38	68	7.0	Bảy	
39	Lương Thái Hùng	39	45	7.5	Bảy rưỡi	
40	Phạm Mạnh Hùng	40	07	8.0	Tám	
41	Đào Thị Hương	41	60	7.5	Bảy rưỡi	
42	Đồng Thị Thu Hương	42	49	7.5	Bảy rưỡi	
43	Đoàn Thị Phương Hường	43	72	8.0	Tám	
44	Trịnh Thị Hường	44	73	7.5	Bảy rưỡi	
45	Nguyễn Đình Huy	45	87	7.0	Bảy	
46	Đào Văn Huy	46	58	7.5	Bảy rưỡi	
47	Nguyễn Tiến Lâm	47	69	7.0	Bảy	
48	Dương Thị Lành	48	53	7.0	Bảy	
49	Hoàng Thị Liên	49	15	7.0	Bảy	
50	Ngô Thị Loan	50	64	8.0	Tám	
51	Vũ Thị Loan	51	13	8.0	Tám	
52	Dương Minh Long	-	-	-	-	Không đủ ĐKDT

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
53	Hoàng Văn Long	52	35	7.0	Bảy	
54	Vũ Thị Luận	53	19	7.0	Bảy	
55	Dương Thị Lý	54	29	7.0	Bảy	
56	Vũ Thị Mai	55	34	7.5	Bảy rưỡi	
57	Đỗ Văn Nam	56	21	7.5	Bảy rưỡi	
58	Đào Thị Nga	57	51	7.5	Bảy rưỡi	
59	Nguyễn Thị Ngân	58	39	7.0	Bảy	
60	Dương Duy Nhất	59	82	7.0	Bảy	
61	Hà Thị Nhung	60	41	7.0	Bảy	
62	Trần Đại Quân	61	24	7.5	Bảy rưỡi	
63	Tạ Văn Quang	62	56	7.5	Bảy rưỡi	
64	Triệu Văn Quảng	63	31	7.0	Bảy	
65	Nguyễn Thanh Sơn	64	08	8.0	Tám	
66	Nguyễn Thị Thanh	65	30	7.5	Bảy rưỡi	
67	Ngô Bích Thịnh	66	11	7.5	Bảy rưỡi	
68	Lê Minh Thu	67	23	7.5	Bảy rưỡi	
69	Đàm Thị Thùy	68	05	7.5	Bảy rưỡi	
70	Đào Thị Thủy	69	06	7.5	Bảy rưỡi	
71	Phạm Huyền Thương	70	62	7.0	Bảy	
72	Lã Thị Tiến	71	84	7.5	Bảy rưỡi	
73	Hoàng Huyền Trang	72	76	7.5	Bảy rưỡi	
74	Nguyễn Văn Trình	73	36	7.0	Bảy	
75	Hoàng Văn Trung	74	85	8.0	Tám	
76	Lý Thành Trung	75	75	7.5	Bảy rưỡi	
77	Đặng Minh Tú	-	-	-	-	Không đủ ĐKDT
78	Ngô Văn Tư	76	38	7.0	Bảy	
79	Dương Văn Tuấn	77	26	7.5	Bảy rưỡi	
80	Triệu Thanh Tuấn	78	79	7.0	Bảy	
81	Bùi Tiến Tùng	79	80	7.0	Bảy	
82	Dương Khắc Tùng	80	81	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
83	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	81	61	8.0	Tám	
84	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	82	63	7.0	Bảy	
85	Hoàng Quốc Việt	83	70	8.0	Tám	
86	Lê Quang Việt	84	20	7.0	Bảy	
87	Lê Văn Vĩnh	85	86	7.0	Bảy	
88	Hoàng Thị Hải Yến	86	04	8.0	Tám	
89	Phan Doãn Thắng	87	01	7.5	Bảy rưỡi	TCLLCT-HC K42 KTT
90	Trần Thị Hương Giang	88	27	8.0	Tám	TCLLCT-HC K8 KTT Đồng Hỷ

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Phúc Ái

**KHOA NN&PL
TRƯỞNG KHOA**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên

